

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày: 22-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện C tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; sinh năm: 1974 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Nông Thị K, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Lý Thị N, sinh năm 1983, bị cáo có 02 con cùng sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 07/2005/HSST, ngày 19/01/2005, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2006. Bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lý Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/10/2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát (BKS) 48D1 - 237.26 đến tiệm rửa xe của ông Trịnh Văn N trên đường Quốc lộ 14 thuộc Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để rửa xe. Khi đến nơi thì T thấy anh Phạm Văn H (cũng rửa xe tại đây) đang ngồi ở ghế nhựa trước tiệm rửa xe và để 01 (một) túi đựng áo mưa màu xám trên ghế ngồi. Một lúc sau, anh H đứng dậy và đi vào bên trong nhà để nghe điện thoại thì T tiến lại gần

túi đựng áo mưa của anh H và sờ vào thì phát hiện bên trong có tiền. Sau khi rửa xe xong, T điều khiển xe mô tô ra khỏi tiệm, khi đi được khoảng 3m thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh H nên T dừng xe lại, dựng xe bên lề đường sát đường Quốc lộ 14 rồi đi bộ đến chiếc ghế mà anh H để túi áo mưa, sau khi quan sát thấy không có ai để ý nên T dùng tay phải cầm túi áo mưa trên rồi đi bộ về phía xe mô tô đang dựng bên lề đường và kẹp vào gác ba ga của xe rồi chạy đến khu vực phía sau bệnh viện huyện Cư Jút cũ thuộc Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông thì T dừng lại và mở túi áo mưa ra thấy bên trong có 01(một) quyển sổ và nhiều tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiều mệnh giá khác nhau (từ 5000 đồng đến 500.000 đồng). Sau đó T lấy hết tiền ra khỏi túi và bỏ vào cốp xe, còn túi đựng áo mưa và cuốn sổ T vứt bên lề đường rồi đi tiếp, khi đến đường dốc 82 thuộc xã N, huyện C thì T lấy số tiền vừa trộm để trong cốp xe ra đếm được 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), sau khi đếm xong T tiếp tục cất tiền vào cốp xe rồi điều khiển xe đi về nhà.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

- Số tiền 3.140.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) do Nguyễn Văn T giao nộp;

- Số tiền 18.460.000đ (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) do chị Lý Thị N (vợ của Nguyễn Văn T) giao nộp;

- 01 (một) túi đựng áo mưa màu xám kích thước 31 x 24cm, bên trong có một cuốn sổ ô li loại 200 trang, kích thước 17,5 x 25cm, trang bìa có chữ “Góc phố - Notebook” do Cơ quan CSĐT Công an huyện C truy tìm.

Quá trình điều tra xác định được: Túi đựng áo mưa màu xám kích thước 31 x 24cm, bên trong có một cuốn sổ ô li loại 200 trang, kích thước 17,5 x 25cm, trang bìa có chữ “Góc phố - Notebook”; số tiền 3.140.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) do T giao nộp và số tiền 18.460.000đ (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) do đại diện gia đình giao nộp là của anh Phạm Văn H (SN 1984, trú tại TDP6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) nên ngày 16/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Bản cáo trạng số 05/CTr-VKS ngày 07/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) túi đựng áo mưa màu xám kích thước 31 x 24cm, bên trong có một cuốn sổ ô li loại 200 trang, kích thước 17,5 x 25cm, trang bìa có chữ “Góc phố - Notebook” và số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H đã nhận lại toàn bộ tài sản, có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi đúng với hành vi cáo trạng đã truy tố và thống nhất với tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã đề nghị, không có ý kiến phản đối, kêu oan. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác đúng như nội dung cáo trạng mà VKSND huyện C đã truy tố.

[3] Xét hành vi của bị cáo: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2020, tại tiệm rửa xe của của ông Trịnh Văn N ở Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp của anh Phạm Văn H số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của bị hại nên bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng

với mức độ, hành vi phạm tội, đủ răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và được bị hại làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội mang tính chất bộc phát, nhất thời nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy nghề nghiệp của bị cáo làm nông, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với xe mô tô mang BKS 48D1 - 237.26 do Nguyễn Văn T điều khiển vào ngày 29/10/2020 không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C không thu giữ là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) túi đựng áo mưa màu xám kích thước 31 x 24cm, bên trong có một cuốn sổ ô li loại 200 trang, kích thước 17,5 x 25cm, trang bìa có chữ “Góc phố - Notebook” và số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H đã nhận lại toàn bộ tài sản, có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Lý Thị N là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường số tiền 18.460.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) cho anh Phạm Văn H, chị N không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao người được hưởng án treo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, trong trường hợp người được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) túi đựng áo mưa màu xám kích thước 31 x 24cm, bên trong có một cuốn sổ ô li loại 200 trang, kích thước 17,5 x 25cm, trang bìa có chữ “Góc phố - Notebook” và số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06; PC10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

BÙI DANH ĐẠI